TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2025/HNGĐ-PT Ngày: 03 - 11 - 2025 *V/v Tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phượng.

Bà Lê Thị Thọ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký của Tòa án nhân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2025/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp yêu cầu thay đổi người trực tiếp người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST, ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 607/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Tuấn N, sinh ngày 02/9/1990. Địa chỉ: Số D H, phường T, thành phố Cần Thơ. CCCD: 092090003489, do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Bích N1, sinh ngày 08/2/1993. Địa chỉ: Số D L, phường B, thành phố Cần Thơ. CCCD: 092193015019, do Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/5/2023 (có mặt).

Người kháng cáo: bị đơn bà Phan Thị Bích N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Vũ Tuấn N trình bày: Ông và bà N1 được giải quyết ly hôn theo Quyết định số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Theo nội dung quyết định thì ông và bà N1 thuận tình ly hôn, bà N1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Khánh N2 (Nữ), sinh ngày 04/12/2021 và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)* đến khi con đủ 18 tuổi và cháu N2 đang chung sống với bà N1 nhưng hiện nay thì bà N1 không có công việc ổn định, sức khỏe không đảm bảo để chăm sóc con do bị bệnh giảm tiểu cầu vô căn (đã cắt lá lách), bà N1 còn có nhiều mối quan hệ ngoài xã hội phức tạp ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái. Còn ông thì đã có nhà riêng, thu nhập ổn định khoảng 13.000.000 đồng/tháng *(Mười ba triệu đồng/tháng)*- 14.000.000 đồng/tháng *(Mười bốn triệu đồng/tháng)*, làm việc giờ hành chính, có thời gian chăm sóc, đảm bảo điều kiện nuôi dạy con cái. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con từ bà N1 sang cho ông và không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn bà Phan Thị Bích N1 trình bày: Bà và ông N được giải quyết ly hôn theo Quyết định số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Theo quyết định thì bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Khánh N2 (Nữ), sinh ngày 04/12/2021 và ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)*. Nay ông N yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con bà không đồng ý yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của ông N, vì hiện nay bà cũng có công việc ổn định, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng *(Bảy triệu đồng/tháng)*, hiện nay sức khỏe của bà cũng đã bình phục, bà không có mối quan hệ xã hội phức tạp như ông N trình bày. Trong quá trình nuôi dạy con bà luôn đảm bảo tốt cho con, ngược lại ông N có lối sống không phù hợp.

Tại bản án số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ đã quyết định như sau:

Áp dụng Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 58; khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tuấn N đối với bị đơn bà Phan Thị Bích N1 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cháu Vũ Ngọc Khánh N2 (Nữ), sinh ngày 04/12/2021 cho ông Vũ Tuấn N trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung

cho bà Phan Thị Bích N1 không ai được quyền cản trở. Bà Phan Thị Bích N1 có trách nhiệm giao cháu Vũ Ngọc Khánh N2 (Nữ), sinh ngày 04/12/2021 cho ông Vũ Tuấn N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Tuấn N không yêu cầu bà N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Phần quyết định về việc *"Giao con chung tên Vũ Ngọc Khánh N2, sinh ngày 04/12/2021 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Về cấp dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/tháng".* Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ) bị chấm dứt kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2025 bà Phan Thị Bích N1 kháng cáo Bản án số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N và giao cháu Phan Thị Bích N3 cho bà tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án sau khi trình bày và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bị đơn áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo bị đơn đã nộp trực tiếp đơn kháng cáo ngày 28/7/2025 cho Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Bích N1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn ông N và tiếp tục giao con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định khi ly hôn "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".* Do sau khi ly hôn thì ông N, bà N1 thống nhất thỏa thuận giao cháu Vũ Ngọc Khánh N2, sinh ngày 04/12/2021 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng. Nay ông N có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, xét theo khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây: a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con; b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con*". Hiện nay giữa ông N và bà N1 không có thỏa thuận được việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, ông N cho rằng bà N1 không đủ điều kiện nuôi con do bà N1 không có việc làm ổn định, sức khỏe không đảm bảo và có lối sống không lành mạnh. Ngược lại, bà N1 thì cho rằng ông N không đủ điều kiện do thu nhập thấp, ông còn phải trả nợ Ngân hàng, từ khi ly hôn đến nay ông cũng không quan tâm đến con mà đến thời hạn thăm con thì ông nhờ mẹ ông đến rước cháu, chứ không tự đến rước hoặc thăm cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N, bà N1 có nộp các hợp đồng lao động, các giấy tờ để chứng minh ông, bà điều có thu nhập ổn định và ông N và bà N1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Ông, bà đều muốn tạo điều kiện tốt nhất để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly hôn (16/5/2024) đến nay thì cháu N2 sống cùng bà N1, hiện nay cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đã đi học; ông N cho rằng bà N1 bị bệnh, sức khỏe không ổn định nhưng theo tài liệu chứng cứ thì hiện nay đã N1 đã đều trị bệnh xong và quay lại với công việc, trong thời gian bàNgọc điều trị bệnh thì bàvẫn tạo điều kiện chăm sóc tốt cho bé N2, hiện nay bé vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hơn nữa cháu N2 còn rất nhỏ và bé là con gái nên cần có sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ; cháu đã sống ổn định với mẹ kể từ khi cha, mẹ ly hôn đến nay. Mặc dù, bà N1 chưa có nhà riêng nhưng hiện nay sống cùng cha, mẹ ruột nên phần nào được sự hỗ trợ của cha, mẹ giúp bà trông cháu khi bà đi làm. Nếu thay đổi môi trường sống của bé N2 sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của bé và hơn nữa ông N cũng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N2 mỗi tháng 2.500.000 đồng và cũng dành quyền thăm nom chăm sóc cháu N2 cho ông N; ông N cho rằng bà N1 có quan hệ xã hội phức tạp ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định môi trường sống, tạo điều kiện tốt cho bé N2 phát triển thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi cháu là không cần thiết nên chấp nhận kháng cáo của bà N1 tiếp tục giao cháu N2 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bà N1 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên không ai phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử**:** Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phan Thị Bích N1. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 49/2025/HNGĐ-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ, như sau:

Áp dụng Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 58; khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án tuyên lại như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tuấn N đối với bị đơn bà Phan Thị Bích N1 về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Bà Phan Thị Bích N1 được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Vũ Ngọc Khánh N2 (Nữ), sinh ngày 04/12/2021 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cần Thơ).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Tuấn N phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông N nộp tạm ứng

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000193 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ). Ông N đã nộp xong án phí. Bà N1 không phải chịu án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Bà Phan Thị Bích N1 được nhận số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001934 ngày 08/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2 – Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đả ký)

Tôn Thị Thanh Thúy